

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2019/DS-PT**

Ngày: 20-11.- 2019

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Thái Rết.

2/. Bà Trương Tổ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 171 /2019/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2019 (có mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn V: Luật sư Huỳnh Kim M, Luật sư Dương Long H - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Minh Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ: số 35/6, đường B, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu (Luật sư M có mặt, Luật sư H vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2.2/ Bà **Thạch Thị N (Thị N)**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 8, thị trấn H, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo các giấy ủy quyền ngày 07/5/2019 và ngày 22/4/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà **NLQ1 (Thị M)**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

3.2/ Ông **NLQ2**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 8, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.3/ Bà **NLQ3**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

3.4/ Ông **NLQ4**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.5/ Ông **NLQ5 (H)**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền cho bà NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, bà NLQ4, ông NLQ4: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp Xa Mau 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo các giấy ủy quyền ngày 07/5/2019 và ngày 22/4/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Những người làm chứng:

4.1/ Ông **NLC1**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4.2/ Ông **NLC2**, sinh năm 1951 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.3/ Ông **NLC3**, sinh năm 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.4/ Ông **NLC4** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.5/ Ông **NLC5**, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.6/ Bà **NLC6** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4.7/ Ông **NLC7**, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.8/ Ông **NLC8**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cung địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn V là ông Nguyễn Ngọc D trình bày:* Năm 1984, ông V được cấp 10 công đất theo chính sách đất đai, nguồn gốc của ông Thạch H và năm 1991 ông V trả hoa lợi cho ông H bằng 50% diện tích đất là 05 công, còn lại 05 công. Ngày 30/10/1992, ông được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.900m², thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1994, khi nhà nước mức kênh thì ông Thạch H bị mất gần hết 05 công đất nên có yêu cầu xin lại phần đất ông V nhưng chính quyền địa phương không giải quyết, ông H vào chiếm 03 công đất rồi giao cho bà NLQ1 sử dụng. Đến năm 1999, bà NLQ1 và chồng là NLQ2 chuyển nhượng 03 công đất này cho bà Nga với giá tổng cộng là 12 chỉ vàng 24K.

Từ năm 1995 thì phía gia đình ông V có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp T, xã T giải quyết buộc gia đình ông H trả lại đất tuy nhiên ông Nguyễn Văn T – Phó Ban ấp và ông Trương Minh T – T Ban ấp không nhận đơn giải quyết, ông V khiếu nại đến năm 2006 thì được UBND xã T nhận đơn giải quyết, tại hòa giải UBND xã vận động gia đình ông Huôl trả cho gia đình ông V 01 công nhưng hai bên không đồng ý. Do hoàn cảnh khó khăn nên đến năm 2017 thì gia đình ông V mới khởi kiện.

Đối với diện tích đất tranh chấp nguyên đơn chỉ yêu cầu diện tích 03 công tầm cây tương đương 3.900m², tuy nhiên khi đo đạc theo thực tế ngày 20/02/2019 thì có sự chênh lệch nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và đồng ý với số đo theo bản vẽ của chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T thì phần đất tranh chấp có diện tích là 3.900m².

Ông Lê Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị N và ông NLQ2, bà NLQ1 trả cho ông phần đất lấn chiếm 03 công tầm cây (3.900m²), tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Thạch Thị N, Nguyễn Thị N đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1, ông NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 là bà Phạm Ngọc N trình bày:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bà Nương, ông NLQ2, bà Nga, ông NLQ3, bà NLQ1, ông NLQ4 và bà NLQ4 không đồng ý, do nguồn gốc phần đất này của ông Thạch H khai phá, đến khoảng năm 1981 có chủ trương đưa đất vào tập đoàn sản xuất, thì nhà nước lấy đất ông H giao cho ông V 10 công. Đến năm 1992 ông V trả hoa lợi cho ông H 5 công. Năm 1994 Nhà nước mức kênh thủy lợi ngang 05 công đất ông V trả hoa lợi cho ông H nên đã bị mất gần hết đất. Sau đó, ông H có yêu cầu ông V trả thêm đất thì ông V thống nhất thỏa NLQ4 trả lại 03 công, việc thỏa NLQ4 có ông T, ông C của chứng kiến nhưng không có lập biên bản. Sau khi nhận đất vào năm 1994 thì ông H cho bà Thị NLQ1 cùng chồng là ông NLQ2 canh tác. Năm 1999 bà NLQ1 và ông NLQ2 chuyển nhượng phần đất này lại cho bà Nga

với giá 12 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng có làm giấy tay, có xác nhận của Ban nhân dân ấp. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà Nga canh tác liên tục, đến năm 2008 thì bà Nga cho con NLQ5 cùng vợ là NLQ3 phân đất này. Ông NLQ3 và bà NLQ4 canh tác cho đến nay.

Về diện tích phần đất tranh chấp thì bà thống nhất với số đo theo bản vẽ của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T phần đất có diện tích như nguyên đơn trình bày.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Tại bản án sơ thẩm 36/2018/DS-ST ngày 26/9/2019 đã quyết định Căn cứ Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 166 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, bà NLQ1 trả phần đất diện tích 3.900m², tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 73,3m;

Hướng Tây giáp đất bà Nương, ông Thế có số đo 66,2m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 38 (phần đất ông NLQ3, bà NLQ4 đang canh tác) có số đo 56,8m;

Hướng Bắc giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 55,6m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2019, bị đơn ông Lê Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và về việc yêu cầu bà Nương, bà Nga trả cho ông phần đất bị lấn chiếm 03 công tằm cây 3.900m², tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn do ông Nguyễn Ngọc D đại diện theo ủy quyền không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa NLQ4 được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của nguyên đơn là

không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn V và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay: Các ông, bà, gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Thạch Thị N (Thị N) là bị đơn; bà NLQ1 (Thị NLQ1), ông NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 (Hiếu) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt; ông NLC7, ông NLC2, ông NLC3, ông NLC4, ông NLC5 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, ông NLC1, bà NLC6 và ông NLC8 là người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, việc vắng mặt của các ông bà nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại văn bản đề nghị cử Luật sư của ông Lê Văn V đề ngày 12/9/2019 và yêu cầu Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Minh Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu cử Luật sư Dương Long H và Luật sư Huỳnh Kim M tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, nhưng tại phiên tòa ngày 20/11/2019 Luật sư H vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền cho ông V là ông Nguyễn Ngọc D đồng ý chỉ để Luật sư Huỳnh Kim M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V và Luật sư Mai cũng đồng ý, việc vắng mặt của Luật sư H không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn V do ông Nguyễn Ngọc D đại diện theo ủy quyền cho rằng năm 1994, khi Nhà nước mức kênh thì gia đình ông H bị mất gần hết 5 công đất, sau đó gia đình ông H có làm đơn xin lại phần đất ông V đang sử dụng

nhưng chính quyền không giải quyết, nên gia đình ông H vào chiếm 03 công đất của ông V giao cho bà NLQ1 sử dụng, đến năm 1999 thì bà NLQ1 cùng chồng là ông NLQ2 chuyển nhượng phần đất trên cho gia đình bà Nga sử dụng đến nay. Nay ông V do ông Dũng đại diện theo ủy quyền yêu cầu các bị đơn bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ2, bà NLQ1 trả cho ông V phần đất lấn chiếm 03 công tầm cây (3.900m^2), tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Phía các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bao gồm: bà Nương, ông NLQ2, bà Nga, ông NLQ3, bà NLQ1, ông NLQ4 và bà NLQ4 không đồng ý, do nguồn gốc phần đất này của ông Thạch H khai phá, đến khoảng năm 1981 có chủ trương đưa đất vào tập đoàn sản xuất, thì nhà nước lấy đất ông H giao cho ông V 10 công. Đến năm 1992 ông V trả hoa lợi cho ông H 5 công. Năm 1994 Nhà nước mức kênh thủy lợi ngang 05 công đất ông V trả hoa lợi cho ông H nên đã bị mất gần hết đất. Sau đó, ông H có yêu cầu ông V trả thêm đất thì ông V thống nhất thỏa NLQ4 trả lại 03 công, việc thỏa NLQ4 có ông T, ông Cửa chứng kiến nhưng không có lập biên bản. Sau khi nhận đất vào năm 1994 thì ông H cho bà Thị NLQ1 cùng chồng là ông NLQ2 canh tác. Năm 1999 bà NLQ1 và ông NLQ2 chuyển nhượng phần đất này lại cho bà Nga với giá 12 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng có làm giấy tay, có xác nhận của Ban nhân dân ấp. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà Nga canh tác liên tục, đến năm 2008 thì bà Nga cho con NLQ5 cùng vợ là NLQ3 canh tác phần đất này cho đến nay.

[2] Ông V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và buộc bị đơn và những người liên quan trả đất lại cho ông. **Xét thấy:**

[2.1] Về nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận phần đất này có nguồn gốc là của gia đình ông Thạch H. Đến năm 1981 thì phần đất này được đưa vào tập đoàn sản xuất và sau đó giao cho hộ ông Lê Văn V sử dụng tổng cộng 10 công đất. Đến năm 1991 Nhà nước thực hiện chính sách trả huê lợi, nên hộ ông Lê Văn V trả lại cho hộ đất gốc ông H 50% là 05 công. Phần đất tranh chấp gia đình ông V sử dụng đến ngày 30/10/1992 thì ông được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.900m^2 , thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

[2.2] Về quá trình sử dụng phần đất tranh chấp: Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất này phía gia đình ông H canh tác đến năm 1981 thì phần đất tranh chấp đưa vào tập đoàn sản xuất và sau đó giao cho gia đình ông V sử dụng đến năm 1994, từ năm 1994 đến năm 1999 ông H cho bà NLQ1 và ông NLQ2 sử dụng. Từ năm 1999 thì gia đình bà Nga sử dụng liên tục đến nay.

[2.3] Về diện tích phần đất tranh chấp: Bà Nga cùng gia đình đang sử dụng một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 11 có tổng diện tích là 4.296m^2 , đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hai bên đương sự thống nhất theo đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp do gia đình bà Nga đang sử dụng 01 phần thửa số 38 có diện tích là 3.900m^2 và

phần đất có số đo, tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 73,3m; Hướng Tây giáp đất bà Nương, ông Thế có số đo 66,2m; Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 38 (phần đất ông NLQ3, bà NLQ4 đang canh tác) có số đo 56,8m; Hướng Bắc giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 55,6m.

[3] Do đó, những tình tiết sự kiện nêu tại mục [2.1] đến mục [2.3] của phần 2 nhỏ nêu trên do các bên đương sự thừa nhận, nên các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử xác định những tình tiết trên là sự thật.

[4] Người đại diện nguyên đơn cho rằng gia đình ông H được sự chỉ đạo của ông T vào bao chiếm phần đất tranh chấp và nguyên đơn đã gửi đơn khiếu nại liên tục từ năm 1995 nhưng đến năm 2006, Thanh tra huyện T mới có văn bản chỉ đạo chính quyền địa phương mới giải quyết. **Xét thấy:**

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn không có cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông V đã khiếu nại yêu cầu đòi lại phần đất này liên tục từ năm 1995. Tại biên bản hòa giải tranh chấp ngày 26/9/2006 của UBND xã T thì Ban hòa giải có ý kiến: *“Vào năm 1994 Nhà nước có chủ trương đào kinh thủy lợi đi ngang đất của ông Thạch H và giữa ông Lê Văn V và ông Thạch H có thửa NLQ4 với nhau cắt 2 công tầm cây giao trả lại cho ông Thạch H vì hộ ông Thạch H là đất gốc và đã sử dụng ổn định từ năm 1994 đến nay. Nhưng vì ông V có giấy chứng nhận QSDĐ cấp ngày 30/10/1992 nên động viên ông V giao đất và phải cho hộ bà Thạch Thị N làm bằng khoán. Kết luận động viên gia đình ông H cắt trả gia đình ông V 01 công tầm cây vì gia đình ông V cũng khó khăn”*. Theo nội dung nêu trên thì vào năm 1994 chính quyền địa phương không có giải quyết trả hoa lợi cho phía bị đơn vì đã trả hoa lợi một lần rồi. Vấn đề này là do hai bên tự thỏa NLQ4 trả hoa lợi với nhau.

[4.2] Ông Dũng đại diện theo ủy quyền của ông V cũng không có cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ mới để chứng minh việc ông T chỉ đạo cho gia đình ông H vào chiếm phần đất tranh chấp với ông V.

[4.3] Theo lời khai của những người làm chứng như ông NLC2 (là T Ban nhân dân ấp T từ năm 1987-2003) và ông NLC3 (Chi hội T hội nông dân ấp T từ năm 1987 đến nay) là người trực tiếp chứng kiến việc ông H và ông V thỏa NLQ4 trả hoa lợi cho nhau và hai bên đồng ý trả thêm phần đất là 03 công nữa, ông Thắng là người làm ruộng cặp ranh đất ông V đang tranh chấp thì: *“ông có nghe ông V nói lại là ông Huôl là chủ đất gốc bị mất đất nên trả thêm hoa lợi”* (BL 195-196), ông NLC4 (làm ruộng cặp ranh và là anh em cô cậu ruột bên vợ ông V): *Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông H ai cũng biết. riêng ông có chứng kiến việc ông V cầm tầm đo đất giao cho hai cha con ông H vào năm 1994. Ngay lúc đó ông không biết đo để làm gì nhưng qua mấy ngày ông thấy ông H canh tác thì ông hỏi ông H trả lời là ông V giao thêm ông 03 công tầm cây do khi mức kênh đất ông bị mất nhiều. Ông tình cờ biết được là do ông canh tác đất kế bên đất tranh chấp* (BL 198-199); ông NLC5 (BL 205-206): *Phần đất tranh chấp nằm ngay sau hè nhà ông nên*

ông biết việc giao đất giữa ông V và ông H. Năm 1994, sau khi sáng mức kênh làm mất đất của ông H, thì ông H có xin thêm đất nhưng chính quyền địa phương không giải quyết mà cho hai bên tự thỏa NLQ4. Tôi trực tiếp thấy ông V trực tiếp đo đất giao cho ông H và Thạch Cô. Do nhà sát phần đất tranh chấp nên nhìn qua thấy không phải mời chứng kiến.

[4.4] Theo đại diện nguyên đơn trình bày thì phần đất còn lại của thửa 38 thì gia đình ông V vẫn canh tác từ năm 1994 cho đến nay. Trong quá trình canh tác thì các bên không có xảy ra xô xát hay cự cãi.

[4.5] Xét về hiện trạng của phần đất tranh chấp và phần đất còn lại của thửa 38 thể hiện không có sự bao chiếm. Bởi, vì nếu là bao chiếm thì cạnh hướng Bắc của phần đất tranh chấp phải đo đến bờ giáp thửa 39. Tuy nhiên, cạnh này chỉ đo cách bờ còn khoảng gần 5m thì lại đắp bờ mới thể hiện các bên có thỏa NLQ4 về vị NLQ3 đất để giao trả. Theo đại diện nguyên đơn cho rằng vì đây là đường mương, trâu nằm nên không đo đến bờ được là không cơ sở vì hiện toàn bộ phần đất còn lại của thửa 38 thì phía gia đình ông V vẫn canh tác ruộng.

[5] Theo nhận định từ mục [4.1 đến mục [4.5] thì không có tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc gia đình ông H được sự chỉ đạo của ông T vào bao chiếm phần đất tranh chấp và đã khiếu nại nhiều lần nhưng chính quyền địa phương không giải quyết. Mặc khác, Sau khi bà NLQ1 và ông NLQ2 sang nhượng đất cho gia đình bà Nga thì ông V biết nhưng cũng không có ngăn cản hay khiếu nại. Do đó, có chứng cứ để chứng minh phần đất này do phía gia đình ông V thỏa NLQ4 trả hoa lợi thêm cho gia đình ông H.

[6] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3, NLQ4, NLQ5 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông NLQ2 với ông Nguyễn Văn Thống (chồng bà Nga) vào ngày 02/4/1999.

[7] Từ những phân tích nêu trên thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, bà NLQ1 trả phần đất diện tích 3.900m², tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông V là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Tại tòa, vị luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của ông V là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ

luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 166 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, bà NLQ1 trả phần đất diện tích 3.900m², tại thửa số 38, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 73,3m;
- Hướng Tây giáp đất bà Nương, ông Thế có số đo 66,2m;
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 38 (phần đất ông NLQ3, bà NLQ4 đang canh tác) có số đo 56,8m;
- Hướng Bắc giáp đất ông V đang canh tác (thửa 38) có số đo 55,6m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí thẩm định, định giá: nguyên đơn ông Lê Văn V phải chịu 12.089.000 đồng (Mười hai triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng). Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn dư là 11.000 đồng (mười một ngàn đồng) và được nhận tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự Sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn V phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 3.402.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006081 ngày 13/10/2017. Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.102.000 đồng (ba triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền nêu trên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009815, ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, ông Lê Văn V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa NLQ4 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: HSVA - VP.

Đã ký

Hồ Văn Phụng